

Bản án số: **09** /2021/HS-ST  
Ngày 08-6-2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Trường.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Quang Cườm.
2. Ông Nguyễn Văn Lương.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Viết Tiếp, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 11/2021/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn T1, sinh năm 1959, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn H, xã P, huyện PĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê V (đã chết) và bà Nguyễn T (đã chết); có vợ là Mai Thị Th (đã chết); có 07 người con, lớn nhất 36 tuổi và nhỏ nhất 25 tuổi; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; *có mặt*.

2. Trần Đ, sinh năm 1985, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn H, xã P, huyện PĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần M, sinh năm 1951 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1952; có vợ là Mai Thị V, sinh năm 1983; có một người con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; *có mặt*.

3. Nguyễn Văn H, sinh năm 1989, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn H, xã P, huyện PĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T, sinh năm 1966 và bà Hồ Thị H, sinh năm 1965; có vợ là Lê Thị A, sinh năm 1989; có ba người con, lớn nhất 10 tuổi và nhỏ

nhất 02 tuổi; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; *có mặt*.

4. Trần Minh T2, sinh năm 2000, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn H, xã P, huyện PĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần T, sinh năm 1960 và bà Mai Thị Á, sinh năm 1965; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; *có mặt*.

*Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Trọng P, sinh năm 1982; *có mặt*.

2. Ông Mai C, sinh năm 1971; *có mặt*.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 28-01-2021, Trần Đ và Nguyễn Văn H đến nhà Lê Văn T1 chơi thì T1 rủ đánh bạc bằng hình thức xì tấy (xì tố), Đ và H đồng ý; T1 lấy ra một bộ bài tứ lơ khơ, một cái chắn rồi cùng nhau vào phòng đối diện phòng ngủ và phòng khách của nhà T1 để đánh bạc. Cả ba quy ước thống nhất tổ nhỏ nhất 5.000 đồng, tổ lớn nhất tùy người chơi nhưng không quá số tiền người đó đang có trên chiếu bạc. Một lúc sau có Trần Minh T2 đến và cùng tham gia đánh bạc.

Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, trong lúc các đối tượng đang đánh bạc thì bị Công an xã P phát hiện, lập biên bản; thu giữ 4.750.000 đồng tại chiếu bạc, 170.000 đồng tiền xâu trong cái ca bằng thủy tinh, 2.060.000 đồng trong người Nguyễn Văn H và 2.500.000 đồng trong người Trần Minh T. Quá trình các đối tượng đánh bạc thì có Nguyễn Trọng P và Mai C ngồi xem; khi Công an phát hiện, lập biên bản thì cả hai có mặt chứng kiến.

Hình thức đánh bạc cụ thể như sau: Trước khi bắt đầu đánh, mỗi người bỏ ra một số tiền gọi là tiền tấy, ít nhất 100.000 đồng và quy ước nếu thắng phải để tại chiếu bạc, không được cất vào, nếu thua hết thì tiếp tục bỏ tiền tấy. Lấy 28 lá bài từ quân tám (8) đến quân xì (A), mỗi quân 04 lá trong bộ bài tứ lơ khơ 52 lá. Lược đầu tiên mỗi người chơi được chia 02 lá bài, một lá úp (gọi là bài tấy, bài ảm) và một lá ngửa. Sau khi chia bài thì bắt đầu vòng cược đầu tiên, người có bài ngửa lớn nhất có quyền đặt cược trước (còn gọi là tố), số tiền thường từ 5.000 đồng trở lên; tuần tự theo vòng tròn, ngược chiều kim đồng hồ; khi đến lượt, người chơi tùy chọn úp bỏ bài chờ ván sau hoặc cược tiền để đánh. Mỗi vòng cược chỉ khép lại khi ít nhất có 02 người chơi theo cược với nhau. Trường hợp có người đánh thì đặt ra chiếu bạc số tiền mà người có bài lớn nhất đã cược, sau đó người có bài lớn nhất bắt tiếp một quân bài và tiếp theo những người đặt cược từ trái qua phải lần lượt bắt thêm một quân bài. Đến lượt bài ngửa thứ 2, ai có đôi được cược trước; nếu nhiều người cùng có đôi thì ai có đôi lớn nhất cược trước,

những người còn lại có đánh tiếp hoặc bỏ bài chịu thua. Đến lượt bài ngựa thứ 3, ai có bài ba quân (sam) được cược trước, nếu không có sam thì ai có đôi mới cược trước. Đến lượt bài ngựa thứ 4, có thể xuất hiện bài sam hoặc hai đôi, hoặc suốt, hoặc đồng hoa, hoặc tứ quý để người chơi đánh và cược tiền nhiều hay ít tùy theo người chơi. Từ lượt bài ngựa thứ 2 trở đi thì không quy định số tiền đặt là bao nhiêu mà người chơi có thể tố số tiền lớn nhất nhưng không quá số tiền người chơi đang có ở chiếu bạc. Người thắng là người tố cuối cùng, nếu không có người theo hoặc có nhưng khi lật bài úp ra so cả 5 quân bài thì người có bài lớn nhất sẽ thắng. Cách tính bài lớn nhỏ để phân thắng thua lần lượt là: Tứ quý (bốn quân bài đồng hạng), đồng hoa (năm lá bài đồng chất từ quân 10 đến xì), suốt (năm quân bài không đồng chất từ 10 đến xì), xâu (một bộ ba và một đôi), sam (bộ ba quân bài đồng hạng và hai quân lẻ), hai đôi, một đôi, binh tài.

Bên cạnh đánh cược như trên, người chơi còn có thể đánh thêm kéo tài nhưng không bắt buộc phải tham gia đánh. Khi chia bài đầu tiên, hai người chơi có lá bài ngựa quân 8 hoặc 9 thì cược với nhau số tiền, thường từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng; đến khi kết thúc ván bài, ai lớn hơn là người thắng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn H và Trần Minh T2 khai nhận số tiền thu giữ trong người của H là 2.060.000 đồng và của T2 là 2.500.000 đồng sẽ sử dụng để đánh bạc. Số tiền sử dụng để đánh bạc của T1 là 4.400.000 đồng, của Đ là 260.000 đồng, của H là 2.100.000 đồng và của T2 là 2.720.000 đồng. Tổng tang số đánh bạc là 9.480.000 đồng.

Vật chứng đã thu giữ gồm:

- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tổng cộng 9.480.000 đồng;
- 28 lá bài tứ lơ khơ từ quân 8 (tám) đến quân xì (A);
- 01 cái đĩa bằng sứ màu trắng;
- 01 cái ca uống nước bằng thủy tinh;
- 01 chiếc điện thoại di động, hiệu Iphone 7Plus, màu đỏ trắng.

Ngày 25-02-2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phong Điền đã trả lại 01 chiếc điện thoại di động, hiệu Iphone 7Plus, màu đỏ trắng cho Trần Minh T2.

Tại Bản Cáo trạng số: 08/CT-VKS ngày 23-4-2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định truy tố Lê Văn T1, Trần Đ, Nguyễn Văn H và Trần Minh T2 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng các khoản 1, 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt Lê Văn T1 từ 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng; phạt bổ sung phạt tiền từ 15 đến 20 triệu đồng; xử phạt Nguyễn Văn H, Trần Đ và Trần Minh T2 từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng; phạt bổ sung phạt tiền mỗi người từ 10 đến 15 triệu đồng.

Đề nghị căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 9.480.000 đồng; tịch thu tiêu hủy 28 lá bài tú lơ khơ từ quân 8 (tám) đến quân xì (A), 01 cái đĩa bằng sứ màu trắng và 01 cái ca uống nước bằng thủy tinh.

Quá trình điều tra và truy tố, các bị cáo không có ý kiến, khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan và người tiến hành tố tụng.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội. Trong lời bào chữa, các bị cáo đều không có ý kiến gì về hành vi, tội danh, hình phạt và các vấn đề khác.

Nói lời sau cùng tại phiên tòa, các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức phạt do mới phạm tội lần đầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Các quyết định, hành vi tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai người làm chứng biên bản vụ việc, các vật chứng đã thu giữ và tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận:

Từ khoảng 13 giờ 30 phút đến 15 giờ 30 phút ngày 28-01-2021, tại nhà ở của Lê Văn T1 thuộc thôn H, xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, các bị cáo Lê Văn T1, Trần Đ, Nguyễn Văn H và Trần Minh T2 đã thực hiện hành vi đánh bạc hình thức xì tẩy được thua bằng tiền bị bắt quả tang với tổng số tiền đánh bạc được xác định là 9.480.000 đồng.

Do đó, hành vi của các bị cáo phạm vào tội “Đánh bạc”. Tội danh và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cáo trạng truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo:

Các bị cáo là người đã thành niên, nhận thức được hành vi đánh bạc trái phép bị pháp luật cấm. Nhiều bị cáo đã có vợ, con nhưng không tu dưỡng bản thân để chăm lo gia đình, làm gương tốt cho con. Ngược lại, với ý thức coi thường pháp luật, động cơ háms lợi, mục đích thu lợi bất chính và thói quen vui chơi thiếu lành mạnh đã phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự, an toàn công cộng, ảnh hưởng môi trường văn hóa tốt đẹp ở khu dân cư nên cần phải xử lý nghiêm.

Tuy nhiên, việc đánh bạc mang tính tự phát, quy mô nhỏ, tang số đánh bạc không lớn.

Xét tính chất đồng phạm và vai trò thì các bị cáo không có sự câu kết, bàn bạc chặt chẽ nên mang tính chất đồng phạm đơn giản. Các bị cáo đều là người thực hành. Bị cáo T1 còn là người khởi xướng, rủ rê, chuẩn bị dụng cụ đánh bạc và hưởng lợi từ tiền xấu với vai trò chủ nhà. Số tiền dùng đánh bạc của bị cáo T1 nhiều nhất, tiếp theo là các bị cáo T2, H và ít nhất là bị cáo Đ.

Do đó, bị cáo T1 phải chịu trách nhiệm cao hơn các bị cáo khác; bị cáo H và T2 chịu trách nhiệm ngang nhau và cao hơn bị cáo Đ.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, thực sự ăn năn hối cải; lần phạm tội này là phạm tội lần đầu và thuộc trước hợp ít nghiêm trọng, được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Các bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[5] Về hình phạt, biện pháp chấp hành hình phạt:

[5.1] Trên cơ sở tính chất và mức độ tội phạm, vai trò các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích, Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng hình phạt nghiêm minh, tương xứng để răn đe các bị cáo và phòng chống tội phạm.

Xét thấy các bị cáo lần đầu phạm vào tội ít nghiêm trọng; nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng; có khả năng tự cải tạo nên đủ điều kiện áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, không cần thiết bắt chấp hành hình phạt tù mà cho các bị cáo cải tạo, giáo dục với sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương là có căn cứ, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5.2] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đánh bạc đều nhằm thu lợi bất chính nên cần thiết áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2021 phạt bổ sung phạt tiền với mức tương xứng để răn đe các bị cáo.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[6] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xét thấy:

- Số tiền 9.480.000 đồng đã thu giữ là tiền đánh bạc và sẽ sử dụng đánh bạc, đang nộp vào tài khoản tại Kho bạc Nhà nước huyện Phong Điền ngày 26-5-2021, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- 28 lá bài tứ lơ khơ, bằng giấy từ quân tám (8) đến quân xì (A); 01 cái đĩa bằng sứ màu trắng và 01 cái ca uống nước bằng thủy tinh công cụ phạm tội, không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn T1, Nguyễn Văn H, Trần Đ và Trần Minh T2 phạm tội “Đánh bạc”.

**2.1.** Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

- Xử phạt Lê Văn T1: 09 (Chín) tháng tù; cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H: 07 (Bảy) tháng tù; cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng, kể từ ngày tuyên án.

- Xử phạt bị cáo Trần Minh T2: 07 (Bảy) tháng tù; cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng, kể từ ngày tuyên án.

- Xử phạt bị cáo Trần Đ: 06 (Sáu) tháng tù; cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm, kể từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**2.2.** Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

- Phạt bổ sung phạt tiền Lê Văn T1 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Phạt bổ sung phạt tiền Nguyễn Văn H, Trần Đ và Trần Minh T mỗi người 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

**3. Về xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015,

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 9.480.000 đồng (Chín triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng) đang nộp vào tài khoản tại Kho bạc Nhà nước huyện Phong Điền.

- Tịch thu tiêu hủy 28 lá bài tứ lơ khơ, bằng giấy từ quân tám (8) đến quân xì (A); 01 cái đĩa bằng sứ màu trắng và 01 cái ca bằng thủy tinh theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 25-5-2021 giữa đại diện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phong Điền và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền.

**4. Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Các bị cáo mỗi người phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Công an tỉnh TT Huế (PV06);
- Sở Tư pháp tỉnh TT Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- Công an huyện Phong Điền;
- CCTHADS huyện Phong Điền;
- Các bị cáo;
- Lưu: HSPA, THAHS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trần Văn Trường**